**TOÁN**

**-62-**

**LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện được phép trừ, phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số hoặc cho số có một chữ số.

- Nhận biết được ý nghĩa thực tiễn của phép trừ , phép cộng thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. Mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

**2. Năng lực, phẩm chất:**

- Thực hiện được thao tác tư duy ở mức độ đơn giản.

- Thông qua việc thực hiện phép tính gồm cả đặt tính, trình bày, lí giải cách thực hiện bài tập của mình, Hs có cơ hội được phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học. Năng lực giao tiếp toán học.

- Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản nhằm phát triển năng lực giao tiếp.

- HS được tham gia vào hoạt động thực hành, trải nghiệm thông qua trò chơi toán học.

- Có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- GV**: Máy tính, tivi, bộ đồ dùng, bảng phụ

**- HS**: Bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **I. KHỞI ĐỘNG**  - GV cho HS vận động theo bài hát.  - GV cho HS nêu lại các bước giải toán có lời văn.  - GV cùng HS nhận xét, kết nối vào bài mới: *Luyện tập* chung  **II. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH**  **Bài 1.** Đặt tính rồi tính  - GV gọi HS đọc yêu cầu.  + Bài tập yêu cầu gì?  - GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp nêu cách đặt tính và thực hiện tính  - Gọi Đại diện nhóm chia sẻ cách làm.  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm.  - GV nhận xét  + Khi thực hiện các phép tính cộng, trừ trong bài em cần lưu ý gì?  + Em lưu ý cách nhớ như thế nào?  **GV:** Củng cố về thực hiện phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một chữ số và số có hai chữ số cho số có hai chữ số.  **Bài 2:** Xếp các thẻ số vào ô thích hợp để tạo thành các phép tính đúng.   * GV gọi HS đọc yêu cầu. * Bài cho biết gì? * Bài hỏi gì? * GV tổ chức cho HS chơi trò chơi tiếp sức làm bài tập. * GV nhận xét   + Con có nhận xét gì về 2 phép cộng ở trong từng ngôi nhà?  + Từ phép cộng ta lập được 2 phép trừ như thế nào?  **GV:** Củng cố mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.  **III. VẬN DỤNG**  + Khi đổi chỗ các số hạng trong phép cộng thì kết quả như thế nào?  + Em có nhận xét gì về kết quả của phép trừ khi lấy tổng trừ đi một số hạng?  Không tính kết quả hãy nói tổng của 2 phép cộng 23 + 48 và 48 + 23 sẽ như thế nào?  - Nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Lớp hát và vận động theo bài: *Đi học*  - 2-3 nêu các bước giải toán có lời văn (3 bước).  - HS đọc yêu cầu.  - Tính.  - Viết các chữ số thẳng cột, cộng trừ có nhớ.  - HS đọc yêu cầu.  - Các thẻ số và các phép tính.  - HS nêu.  - HS chơi trò chơi  - Tổng đều bằng nhau, 2 số hạng đổi chỗ cho nhau  - Lấy tổng trừ đi số hạng này thì được số hạng kia  - Tổng đều bằng nhau, 2 số hạng đổi chỗ cho nhau  - Lấy tổng trừ đi số hạng này thì được số hạng kia |

***\*Điều chỉnh sau bài dạy:***

.................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TOÁN**

**-63-**

**LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Ôn tập tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.

- Ôn tập về giải toán có lời văn dạng nhiều hơn.

**2. Năng lực, phẩm chất**

- HS thực hiện được các phép tính cộng, trừ (có nhớ ) trong phạm vi 100 và vận được vào giải toán có lời văn.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính cộng, trừ đã học để giải quyết một số tình huống gắng với thực tế.

- Hình thành và phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học và năng lực mô hình hoá toán học.

- Hs yêu thích môn học, tự giác trong học tập.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Laptop; tivi, thẻ phép tính.
* Bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **I. KHỞI ĐỘNG**  - GV bắt nhịp cả lớp hát bài “ Lớp chúng mình”  - GV giới thiệu, ghi đầu bài Luyện tập chung ( tiết 2 )  **II. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH**  **Bài 3: (15’)**  **a. Tính**  **b. Chọn kết quả đúng với mỗi**  **phép tính.**  - GV gọi HS đọc yêu cầu  + Bài có mấy phần?  - GV yêu cầu HS làm phần a  + Em có nhận xét gì về các phép tính này?  + Gọi HS nêu cách tính  - Yêu cầu 3 HS làm phiếu, lớp làm bài.  - GV gọi Hs dưới lớp đọc bài làm, 3 hs làm phiếu lên bảng trình bày bài làm.  - GV nhận xét.  - Phần b: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Tìm về đúng nhà”  ND: GV sẽ mời 2 đội chơi, HS lên tham gia chơi tiếp sức. Đội nào có số phép tính nối đúng với các ngôi nhà nhiều nhất đội đó là đội thắng cuộc. Thời gian chơi 2’  - GV gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét.  **Bài 4: Sơn có 26 quả bóng. Hương có nhiều hơn Sơn 14 quả bóng. Hỏi Hương có bao nhiêu quả bóng? (6’)**  **-** GV gọi HS nêu yêu cầu bài toán.  - Mời một số cặp HS hỏi đáp nhau về nội dung bài toán.  Tóm tắt:  Sơn: 26 quả bóng  Hương: Nhiều hơn Sơn 14 quả bóng.  Hương:..... quả bóng?  - GV chiếu tranh bài toán, hướng dẫn HS nhận xét số bóng trong túi của Sơn và số bóng trong túi của Hương.  + Bài toán thuộc dạng toán gì?  - GV yêu cầu HS làm bài, 1HS làm phiếu.  - GV gọi HS làm phiếu lên bảng trình bày bài làm.  + GV nhận xét.  **Bài 5: Tròi chơi “Tìm phép cộng có kết quả bằng 100” (5’)**  - GV gọi HS nêu yêu cầu.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh-Ai đúng” thi đua tìm các phép tính có kết quả bằng 100. GV chia lớp thành 2 đội. Đội nào tìm được nhiều phép tính có kết quả bằng 100 nhất đội đó thắng cuộc. Thời gian 5’. GV chiếu các phép tính và yêu cầu HS quán sát kĩ.  - Kết thúc trò chơi, GV tổ chức cho các nhóm hỏi đáp nhau những câu hỏi cần nhóm bạn giải đáp.  - GV nhận xét.  **III. CỦNG CỐ, DẶN DÒ**  - Bài hôm nay chúng ta ôn tập lại nhưng kiến thức gì?  + Khi thực hiện phép tính có hai dấu phép tính em thực hiện như thế nào?  + Khi giải bài toán về nhiều hơn ta làm thế nào?  - GV nhận xét, nhắc HS về nhà làm bài tập, chuẩn bị bài sau: Ki-lô-gam. | - Cả lớp hát.  HS nêu yêu cầu.  - 2 phần  a. Tính  b. Chọn kết quả đúng với mỗi  - Đây đều là các phép tính có hai dấu phép tính.  - 2-3 HS nêu  - HS thực hiện  20+30+50 = 100; 100-8-10 =82  100-30-40 = 30; 44+6+50 = 100  11+22+66 = 99  73-14+20 = 89  - HS dưới lớp quan sát, lắng nghe, đưa ra câu hỏi cần bạn giải đáp.  VD: + Bạn làm thế nào để tính được kết quả phép tính 100-30-40=30?  + Khi thực hiện phép tính có hai dấu phép tính bạn thực hiện như thế nào?  - HS tham gia chơi  - HS nhận xét, nêu một số câu hỏi còn thắc mắc.  VD: + Bạn làm thế nào để nối được phép tính 25+6+20 với ngôi nhà số 53?  - 2 HS nêu yêu cầu bài toán.  - 2 cặp HS hỏi đáp nhau về nội dung bài toán.  VD: + Bài toán cho biết gì?  - Sơn có 26 quả bóng. Hương có nhiều hơn Sơn 14 quả bóng.  + Bài toán hỏi gì?  **-** Hỏi Hương có bao nhiêu quả bóng?  - HS quan sát, lắng nghe  - Bài toán có lời văn dạng nhiều hơn.  - HS làm bài, một HS làm phiếu.  Bài giải  Hương có số quả bóng là:  26+14=40 (quả)  Đáp số: 40 quả bóng.  - HS làm phiếu lên bảng trình bày, HS dưới lớp lắng nghe, đưa ra nhận xét và một số câu hỏi cần bạn giải đáp.  VD: + Ngoài câu trả lời trên bạn còn câu trả lời nào khác?  + Vì sao bạn lại lấy 26+4?  + Khi giải bài toán về dạng nhiều hơn bạn làm thế nào?  - 2 HS nêu yêu cầu  - HS tham gia chơi.  - Đại diện các nhóm đưa ra những câu hỏi cần nhóm bạn giải đáp.  VD: + Vì sao bạn lại cho rằng 25+35+40=100?; 64+36=100?  - HS nêu  - Thực hiện tính từ trái qua phải. Lấy số thứ nhất cộng với số thứ 2, được kết quả bao nhiêu cộng tiếp số thứ 3 sau đó viết kết quả cuối cùng sau dấu bằng.  - Lấy số đã có cộng với phần nhiều hơn.  - HS lắng nghe |

***\*Điều chỉnh sau bài dạy:***

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................